
Ngày tháng năm

Kính gửi:

Người nhận:

Fax:

Người gửi:

Về: Giao Dịch Số

Thưa Quý [Công Ty/Ngân Hàng]

Thư này (“**Xác Nhận**”) nhằm xác định các điều khoản và điều kiện của Giao Dịch [Có Giao Đối Tượng Giao Kết] [Không Giao Đối Tượng Giao Kết] [Ngoại Hối Giao Ngay] [Ngoại Hối Kỳ Hạn] [Hoán Đổi Ngoại Hối] [Quyền Chọn Tiền Tệ] [Hoán Đổi Lãi Suất] [Hoán Đổi Tiền Tệ Chéo]¹ được giao kết giữa hai bên chúng ta vào Ngày Giao Kết được quy định cụ thể dưới đây (“**Giao Dịch**”). Xác Nhận này tạo thành một “Xác Nhận” như được quy định trong Hợp Đồng Chính của ISDA được nêu dưới đây.

Các khái niệm và điều khoản được nêu trong [Danh Mục Thuật Ngữ của ISDA đối với Các Điều Khoản Được Chọn từ Các Định Nghĩa Quyền Chọn Tiền Tệ và Ngoại Tệ năm 1998, được sửa đổi bởi Phụ Lục Quyền Chọn Đi Qua Mốc Ấn Định năm 2005 – Bản Dịch tiếng Việt, như được sửa đổi vào Ngày Giao Kết của Giao Dịch này (“**Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối**”)] [và] [Danh Mục Thuật Ngữ của ISDA đối với Các Điều Khoản Được Lựa Chọn từ Các Định Nghĩa của ISDA năm 2006 – Bản Dịch tiếng Việt, như được sửa đổi vào Ngày Giao Kết của Giao Dịch này (“**Danh Mục Thuật Ngữ Lãi Suất**”)], và cùng với Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối, gọi chung là các [“**Danh Mục Thuật Ngữ**”)]^{2,3}, [từng Danh

¹ Các mẫu xác nhận này nhằm quy định về các giao dịch công cụ tài chính phái sinh không thông qua thị trường tập trung sau đây:

- (a) Giao dịch Ngoại Hối Giao Ngay USD/VNĐ Có Giao Đối Tượng Giao Kết, giao dịch Ngoại Hối Kỳ Hạn và giao dịch Hoán Đổi Ngoại Hối,
- (b) Quyền chọn mua tiền tệ và quyền chọn bán tiền tệ USD/VNĐ có giao đối tượng giao kết,
- (c) Quyền chọn nhị phân USD/VNĐ có giao đối tượng giao kết,
- (d) Hoán đổi lãi suất USD/VNĐ Có Giao hoặc Không Giao Đối Tượng Giao Kết, và
- (e) Hoán đổi tiền tệ chéo USD/VNĐ Có Giao hoặc Không Giao Đối Tượng Giao Kết.

² Các bên lựa chọn đưa vào Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối và/hoặc Danh Mục Thuật Ngữ Lãi Suất bằng cách tham chiếu cần lưu ý Khước Từ Quan Trọng được nêu trong các Danh Mục Thuật Ngữ. Mặc dù các mẫu Xác Nhận này được ISDA công bố, nhưng Khước Từ Quan Trọng vẫn tiếp tục được áp dụng. Các bên cần lưu ý rằng việc ISDA công bố các mẫu Xác Nhận này cũng như Thuật Ngữ không có nghĩa là mỗi bên không cần xem xét cẩn thận các điều khoản của mẫu Xác Nhận và các Danh Mục Thuật Ngữ và đưa ra một quyết định độc lập của bên đó về sự phù hợp của các mẫu đó và các Danh Mục Thuật Ngữ mà bên đó sử dụng khi soạn thảo tài liệu cho các giao dịch của riêng mình. ISDA không chịu trách nhiệm về bất kỳ việc sử dụng Xác Nhận và các Danh Mục Thuật ngữ này.

Mục Thuật Ngữ đó được công bố bởi Hiệp Hội Hoán Đổi và Phái Sinh Quốc Tế, được đưa vào trong Xác Nhận này. Trường hợp **[Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối] [Danh Mục Thuật Ngữ Lãi Suất] [Bất kỳ Danh Mục Thuật Ngữ nào]** và Xác Nhận này có sự khác biệt, thì Xác Nhận này sẽ được áp dụng. **[Trường hợp giữa Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối và Danh Mục Thuật Ngữ Lãi Suất có sự khác biệt, thì Danh Mục Thuật Ngữ Lãi Suất sẽ được ưu tiên áp dụng, ngoại trừ trường hợp Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối sẽ được ưu tiên áp dụng theo quy định của “Các Điều Khoản Thanh Toán” và “Các Điều Khoản Khác” dưới đây.]**⁴

Xác Nhận này bổ sung, tạo thành một phần, và phụ thuộc vào, Hợp Đồng Chính của ISDA ký kết ngày [] tháng [] năm [], như được sửa đổi và bổ sung vào từng thời điểm (“**Hợp Đồng**”), giữa [] (“**Bên A**”) và [] (“**Bên B**”). Toàn bộ quy định nêu trong Hợp Đồng điều chỉnh Xác Nhận này trừ khi được sửa đổi một cách rõ ràng dưới đây.

Các điều khoản của Giao Dịch theo Xác Nhận được quy định như sau:

³ Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối chỉ nên được đưa vào sử dụng cho các giao dịch Ngoại Hối giao ngay, Ngoại Hối Kỳ Hạn, Hoán đổi Ngoại Hối, quyền chọn mua tiền tệ và quyền chọn bán tiền tệ và quyền chọn nhị phân. Danh Mục Thuật Ngữ Lãi Suất chỉ nên được đưa vào sử dụng cho các giao dịch hoán đổi lãi suất Có Giao Đối Tượng Giao Kết và hoán đổi tiền tệ chéo. Danh Mục Thuật Ngữ Lãi Suất và Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối chỉ nên đưa vào sử dụng cho các giao dịch hoán đổi lãi suất Không Giao Đối Tượng Giao Kết và hoán đổi tiền tệ chéo.

⁴ Câu này chỉ được đưa vào trong trường hợp cả Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối và Danh Mục Thuật Ngữ Lãi Suất được đưa vào sử dụng.

Giao Dịch Ngoại Hối Kỳ Hạn hoặc Ngoại Hối Giao Ngay Có Giao Đối Tương Giao Kết:

Ngày Giao Kết: [].

Số tiền và đồng tiền
Bên A phải thanh toán: [USD][VNĐ][].

Số tiền và đồng tiền
Bên B phải thanh toán: [USD][VNĐ][].

Ngày Giao Nhận: [], có thể được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc
[Tiếp Theo] [Được Điều Chỉnh Tiếp Theo].

Các Ngày Làm Việc: New York và Hà Nội.

Giao Dịch Hoán Đổi Ngoại Hối Có Giao Đối Tương Giao Kết :

Ngày Giao Kết: [].

Giao Dịch Ngoại Hối Giao Ngay

Số tiền và đồng tiền
Bên A phải thanh toán: [USD][VNĐ][].

Số tiền và đồng tiền
Bên B phải thanh toán: [USD][VNĐ][].

Ngày Giao Nhận: [], có thể được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được Điều Chỉnh Tiếp Theo].

Các Ngày Làm Việc: New York và Hà Nội.

Giao Dịch Ngoại Hối Kỳ Hạn

Số tiền và đồng tiền
Bên A phải thanh toán: [USD][VNĐ][].

Số tiền và đồng tiền
Bên B phải thanh toán: [USD][VNĐ][].

Ngày Giao Nhận: [], có thể được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được Điều Chỉnh Tiếp Theo].

Các Ngày Làm Việc: New York và Hà Nội.

Giao Dịch Quyền Chọn Tiền Tệ Có Giao Đối Tượng Giao Kết:

Ngày Giao Kết:	[]
[Ngày Bắt Đầu ⁵ :	[]
Bên Mua:	Bên [A][B].
Bên Bán:	Bên [A][B].
Kiểu Quyền Chọn Tiền Tệ:	Châu Âu.
Loại Quyền Chọn Tiền Tệ:	[USD][VNĐ] Quyền Chọn Bán / [USD][VNĐ] Quyền Chọn Mua.
Đồng Tiền Chọn Mua và Số Lượng Đồng Tiền Chọn Mua:	[USD][VNĐ][]
Đồng Tiền Chọn Bán và Số Lượng Đồng Tiền Chọn Bán:	[USD][VNĐ][]
Giá Thực Hiện:	[] VNĐ/USD.
Ngày Đáo Hạn:	[] ⁶ .
Giờ Đáo Hạn:	[] [sáng][chiều] (giờ [Hà Nội] [Singapore]).
[Giờ Thực Hiện Quyền Chọn Muộn Nhất ⁷ :	[] [sáng][chiều] (giờ [Hà Nội] [Singapore]).
[Tự Động Thực Hiện Quyền Chọn:	Không áp dụng]. ⁸
Ngày Giao Nhận:	[Ngày Làm Việc [] sau Ngày Thực Hiện Quyền Chọn]. HOẶC [Ghi cụ thể ngày], có thể được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được Điều Chỉnh Tiếp Theo].
Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn ⁹ :	[USD][VNĐ][]

⁵ Các bên nên đưa vào ngày này nếu không muốn ngầm định là Ngày Bắt Đầu cũng đồng thời là Ngày Giao Kết.

⁶ Các bên nên đưa vào Thỏa Thuận Ngày Làm Việc nếu không muốn ngầm định là Ngày Đáo Hạn sẽ được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo.

⁷ Các bên nên đưa vào mục này nếu không muốn ngầm định là Giờ Thực Hiện Quyền Chọn Muộn Nhất cũng đồng thời là Giờ Đáo Hạn.

⁸ Các bên nên đưa vào mục này nếu không muốn ngầm định là Tự Động Thực Hiện Quyền Chọn được áp dụng cho Giao Dịch Quyền Chọn Tiền Tệ.

Giá⁹: []% của [Số Lượng Đồng Tiền Chọn Mua][Số Lượng Đồng Tiền Chọn Bán].

Ngày Thanh Toán Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn: []¹⁰.

Các Ngày Làm Việc: New York và Hà Nội.

⁹ Các bên có thể ghi cụ thể Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn, hoặc Giá được thể hiện bằng phần trăm của Số Lượng Đồng Tiền Chọn Mua hoặc Số Lượng Đồng Tiền Chọn Bán, nếu phù hợp.

¹⁰ Các bên nên đưa vào Thỏa Thuận Ngày Làm Việc nếu không muốn ngầm định là Ngày Thanh Toán Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn sẽ được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo.

Giao Dịch Quyền Chọn Tiền Tệ Nhị Phân Không Cham Giá Thực Hiện hay Cham Giá Thực Hiện Có Giao Đối Tượng Giao Kết:

(a) **Các Điều Khoản Chung:**

Ngày Giao Kết:	[]
[Ngày Bắt Đầu ¹¹ :	[]
Bên Mua:	Bên [A][B]
Bên Bán:	Bên [A][B]
Loại Quyền Chọn Tiền Tệ:	Nhị Phân
Ngày Đáo Hạn:	[] ¹²
Giờ Đáo Hạn:	[] [sáng][chiều] (giờ [Hà Nội] [Singapore]).
Phương Thức Thanh Toán:	Không Giao Đối Tượng Giao Kết.
Số Tiền Thanh Toán:	[USD][VNĐ][]
Ngày Giao Nhận:	[Ngày Làm Việc [] sau khi xảy ra một Sự Kiện Đi Qua Mốc Ấn Định. HOẶC [Ghi cụ thể ngày], có thể được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được Điều Chỉnh Tiếp Theo].
Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn ¹³ :	[USD][VNĐ][]
Giá ¹³ :	[]% [Số Lượng Đồng Tiền Chọn Mua][Số Lượng Đồng Tiền Chọn Bán].
Ngày Thanh Toán Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn:	[] ¹⁴

¹¹ Các bên nên đưa vào mục này nếu không muốn ngầm định là Ngày Bắt Đầu cũng đồng thời là Ngày Giao Kết.

¹² Các bên nên đưa vào Thỏa Thuận Ngày Làm Việc nếu không muốn ngầm định là Ngày Đáo Hạn sẽ được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo.

¹³ Các bên có thể ghi cụ thể Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn, hoặc Giá được thể hiện bằng phần trăm của Số Lượng Đồng Tiền Chọn Mua hoặc Số Lượng Đồng Tiền Chọn Bán, nếu phù hợp.

¹⁴ Các bên nên đưa vào Thỏa Thuận Ngày Làm Việc nếu không muốn ngầm định là Ngày Thanh Toán Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn sẽ được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo.

(b) **Các Điều Khoản và Điều Kiện khác:**

Sự Kiện Đi Qua
Mốc Ấn Định: Áp dụng.

Loại Sự Kiện: [Nhị Phân Không Chạm Giá Thực Hiện] [Nhị Phân Chạm Giá Thực Hiện].

Xu Hướng Tỷ Giá
Ngoại Hối Giao Ngay: [Cao hơn hoặc tương đương với] [thấp hơn hoặc tương đương với] Mốc Ấn Định.

[Nguồn Tỷ Giá của Sự Kiện
Đi Qua Mốc Ấn Định¹⁵: VND ABS (VND01).]

[Giá Giao Ngay Ban Đầu¹⁶: VNĐ/USD.

Mốc Ấn Định: VNĐ/USD.

[Giờ và Ngày Bắt Đầu
Thời Hạn Sự Kiện¹⁷: [sáng][chiều] (giờ [Hà Nội] [Singapore]).]

[Giờ và Ngày Kết Thúc
Thời Hạn Sự Kiện¹⁸: [sáng][chiều] (giờ [Hà Nội] [Singapore]).]

[Ngày Xác Định Sự Kiện
Đi Qua Mốc Ấn Định¹⁹: .

[Đại Diện Xác Định Sự Kiện
Đi Qua Mốc Ấn Định²⁰: .

Các Ngày Làm Việc: New York và Hà Nội.

¹⁵ Nếu Giao Dịch là Loại Quyền Chọn Nhị Phân “thị trường giao ngay”, thì không nên quy định cụ thể Nguồn Tỷ Giá của Sự Kiện Đi Qua Mốc Ấn Định.

¹⁶ Giá Giao Ngay Ban Đầu là một điều khoản mang tính lựa chọn. Các bên có thể quy định Giá Giao Ngay Ban Đầu để xác định xu hướng Tỷ Giá Ngoại Hối Giao Ngay đi qua Mốc Ấn Định. Nếu được quy định cụ thể, quy tắc được sử dụng để đưa ra cặp đồng tiền cho Giá Giao Ngay Ban Đầu nên giống với quy tắc được sử dụng để đưa ra cặp đồng tiền áp dụng đối với Mốc Ấn Định.

¹⁷ Các bên nên xác định Giờ và Ngày Bắt Đầu Thời Hạn Sự Kiện nếu không muốn ngầm định là Giờ và Ngày Bắt Đầu Thời Hạn Sự Kiện cũng đồng thời là Ngày Giao Kết vào thời điểm Giao Dịch được ký kết.

¹⁸ Các bên nên xác định Giờ và Ngày Kết Thúc Thời Hạn Sự Kiện nếu không muốn ngầm định là Giờ và Ngày Kết Thúc Thời Hạn Sự Kiện cũng đồng thời là Ngày Đáo Hạn vào Giờ Đáo Hạn. Tuy nhiên, đối với Loại Quyền Chọn Nhị Phân khi đáo hạn, các bên có thể quy định cụ thể Giờ và Ngày Kết Thúc Thời Hạn Sự Kiện cũng đồng thời là Giờ Đáo Hạn vào Ngày Đáo Hạn.

¹⁹ Các bên nên đưa vào điều khoản này để nêu rõ rằng chỉ một số ngày cụ thể trong Thời Hạn Sự Kiện có thể là Ngày Xác Định Sự Kiện Đi Qua Mốc Ấn Định (ví dụ, các ngày Thứ Tư trong Thời Hạn Sự Kiện). Các bên nên đưa vào một Thỏa Thuận Ngày Làm Việc nếu không muốn ngầm định là Ngày Xác Định Sự Kiện Đi Qua Mốc Ấn Định sẽ được điều chỉnh.

²⁰ Các bên nên xác định một Đại Diện Xác Định Sự Kiện Đi Qua Mốc Ấn Định nếu không muốn ngầm định là Đại Diện Xác Định Sự Kiện Đi Qua Mốc Ấn Định cũng đồng thời là một Đại Diện Tính Toán.

Giao Dịch Quyền Chọn Tiền Tệ Nhị Phân Không Cham Giá Thực Hiện và Cham Giá Thực Hiện Với Hai Mốc Ấn Định và Có Giao Đối Tượng Giao Kết:

(a) **Các Điều Khoản Chung:**

Ngày Giao Kết: [].

[Ngày Bắt Đầu²¹: [].

Bên Mua: Bên [A][B].

Bên Bán: Bên [A][B].

Loại Quyền Chọn Tiền Tệ: **Nhị Phân**.

Ngày Đáo Hạn: []²².

Giờ Đáo Hạn: [] [sáng][chiều] (giờ [Hà Nội] [Singapore]).

Phương Thức Thanh Toán: Không Giao Đối Tượng Giao Kết.

Số Tiền Thanh Toán: [USD][VNĐ][].

Ngày Giao Nhận: [] Ngày Làm Việc sau khi xảy ra một Sự Kiện Đi Qua Mốc Ấn Định].
HOẶC
[Ghi cụ thể ngày], có thể được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được Điều Chỉnh Tiếp Theo].

Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn²³: [USD][VNĐ][].

Giá²³: []% [Số Lượng Đồng Tiền Chọn Mua][Số Lượng Đồng Tiền Chọn Bán].

Ngày Thanh Toán Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn: []²⁴.

²¹ Các bên nên có quy định này nếu không muốn ngầm định là Ngày Bắt Đầu cũng đồng thời là Ngày Giao Kết.

²² Các bên nên đưa vào Thỏa Thuận Ngày Làm Việc nếu không muốn ngầm định là Ngày Đáo Hạn sẽ được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo.

²³ Các bên có thể ghi cụ thể Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn, hoặc Giá được thể hiện bằng phần trăm của Số Lượng Đồng Tiền Chọn Mua hoặc Số Lượng Đồng Tiền Chọn Bán, nếu phù hợp.

²⁴ Các bên nên đưa vào Thỏa Thuận Ngày Làm Việc nếu không muốn ngầm định là Ngày Thanh Toán Phí Phải Trả Cho Quyền Chọn sẽ được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo.

(b) **Các Điều Kiện và Điều Khoản Khác:**

Sự Kiện Đi Qua
Mốc Ẩn Định: Áp dụng.

Loại Sự Kiện: [Nhị Phân Không Chạm Giá Thực Hiện Với Hai Mốc Ẩn Định]
[Nhị Phân Chạm Giá Thực Hiện Với Hai Mốc Ẩn Định].

[Nguồn Tỷ Giá của Sự Kiện
Đi Qua Mốc Ẩn Định²⁵: VNĐ ABS (VNĐ01).]

[Giá Giao Ngay Ban Đầu²⁶: VNĐ/USD.

Mốc Ẩn Định Trên: VNĐ/USD.

Mốc Ẩn Định Dưới: VNĐ/USD.

[Giờ và Ngày Bắt Đầu
Thời Hạn Sự Kiện²⁷: [sáng][chiều] (giờ [Hà Nội] [Singapore]).]

[Giờ và Ngày Kết Thúc
Thời Hạn Sự Kiện²⁸: [sáng][chiều] (giờ [Hà Nội] [Singapore]).]

[Ngày Xác Định Sự Kiện
Đi Qua Mốc Ẩn Định²⁹: .]

[Đại Diện Xác Định Sự Kiện
Đi Qua Mốc Ẩn Định³⁰: .]

Các Ngày Làm Việc: New York và Hà Nội.

²⁵ Nếu Giao Dịch là Loại Quyền Chọn Nhị Phân “thị trường giao ngay”, không nên quy định cụ thể Nguồn Tỷ Giá của Sự Kiện Đi Qua Mốc Ẩn Định.

²⁶ Giá Giao Ngay Ban Đầu là một điều khoản mang tính lựa chọn. Các bên có thể quy định Giá Giao Ngay Ban Đầu để xác định xu hướng Tỷ Giá Ngoại Hối Giao Ngay đi qua Mốc Ẩn Định. Nếu được quy định cụ thể, quy tắc được sử dụng để đưa ra cặp đồng tiền cho Giá Giao Ngay Ban Đầu nên giống với quy tắc được sử dụng để đưa ra cặp đồng tiền áp dụng đối với Mốc Ẩn Định.

²⁷ Các bên nên quy định cụ thể Giờ và Ngày Bắt Đầu Thời Hạn Sự Kiện nếu không muốn ngầm định là Giờ và Ngày Bắt Đầu Thời Hạn Sự Kiện cũng đồng thời là Ngày Giao Kết vào thời điểm Giao Dịch được ký kết.

²⁸ Các bên nên quy định Giờ và Ngày Kết Thúc Thời Hạn Sự Kiện nếu không muốn ngầm định là Giờ và Ngày Kết Thúc Thời Hạn Sự Kiện cũng đồng thời là Ngày Đáo Hạn vào Giờ Đáo Hạn. Tuy nhiên, đối với Loại Quyền Chọn Nhị Phân khi đáo hạn, các bên có thể quy định cụ thể Giờ và Ngày Kết Thúc Thời Hạn Sự Kiện là Giờ Đáo Hạn vào Ngày Đáo Hạn.

²⁹ Các bên nên đưa vào mục này để nêu rõ rằng chỉ một số ngày cụ thể trong Thời Hạn Sự Kiện có thể là Ngày Xác Định Sự Kiện Đi Qua Mốc Ẩn Định (ví dụ, các ngày Thứ Tư trong Thời Hạn Sự Kiện). Các bên nên đưa vào Thỏa Thuận Ngày Làm Việc nếu không muốn ngầm định là Ngày Xác Định Sự Kiện Đi Qua Mốc Ẩn Định sẽ được điều chỉnh.

³⁰ Các bên nên quy định cụ thể một Đại Diện Xác Định Mốc Ẩn Định nếu không muốn ngầm định là Đại Diện Xác Định Mốc Ẩn Định cũng đồng thời là Đại Diện Tính Toán.

Giao Dịch Hoán Đổi Lãi Suất Có Giao Đối Tương Giao Kết:

Ngày Giao Kết: [].
Ngày Hiệu Lực: [].
Ngày Chấm Dứt: [].
Số Tiền Danh Nghĩa: [USD][VNĐ][].

Số Tiền Cố Định:

Bên Thanh Toán Theo
Lãi Suất Cố Định: Bên [A][B].

Các Ngày Thanh Toán
Của Bên Thanh Toán
Theo Lãi Suất Cố Định: [], bắt đầu từ [] đến và bao gồm Ngày Chấm Dứt, có thể được
điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được
Điều Chỉnh Tiếp Theo].

Lãi Suất Cố Định: []% /năm

Tỷ Lệ Tính Theo Số
Ngày Thực Tế Áp Dụng
Lãi Suất Cố Định: [Thực tế/360].

Số Tiền Thả Nổi:

Bên Thanh Toán Theo
Lãi Suất Thả Nổi: Bên [A][B].

Các Ngày Thanh Toán
Của Bên Thanh Toán
Theo Lãi Suất Thả Nổi: [], bắt đầu từ [] đến và bao gồm Ngày Chấm Dứt, có thể được
điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được
Điều Chỉnh Tiếp Theo].

Lãi Suất Thả Nổi đối với
Kỳ Tính Toán Ban Đầu: []%/năm.

Quyền Chọn
Lãi Suất Thả Nổi: [USD-LIBOR-VNĐ][Lãi Suất Hoán Đổi Sáu Tháng VNĐ-11:00
BGCANTOR và “Các Ngân Hàng Tham Chiếu” có nghĩa là []].

Kỳ Đáo Hạn
Được Xác Định: [] tháng.

Độ Chênh Lệch: [Cộng] [Trừ] []%/ năm [Không có].

Tỷ Lệ Tính Theo Số
Ngày Thực Tế Áp Dụng
Lãi Suất Thả Nổi:

[Thực tế/360].

Các Ngày Ấn Định Lại
Lãi Suất:

[Ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Toán].

Tính Lãi Gộp:

[Không áp dụng].

Các Ngày Làm Việc:

[New York] [Hà Nội].

Giao Dịch Hoán Đổi Tiền Tệ Chéo Có Giao Đối Tượng Giao Kết:

Ngày Giao Kết: [].

Ngày Hiệu Lực: [].

Ngày Chấm Dứt: [].

Số Tiền Cố Định:

Bên Thanh Toán Theo
Lãi Suất Cố Định: Bên [A][B].

Số Lượng Đồng Tiền
Thanh Toán Theo
Lãi Suất Cố Định: [USD][VNĐ][].

Các Ngày Thanh Toán
Của Bên Thanh Toán
Theo Lãi Suất Cố Định: [], bắt đầu từ [] đến và bao gồm Ngày Chấm Dứt, có thể được
điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được
Điều Chỉnh Tiếp Theo].

Lãi Suất Cố Định: []% / năm

Tỷ Lệ Tính Theo Số
Ngày Thực Tế Áp Dụng
Lãi Suất Cố Định: [Thực tế/360].

Số Tiền Thả Nổi:

Bên Thanh Toán Theo
Lãi Suất Thả Nổi: Bên [A][B].

Số Lượng Đồng Tiền
Thanh Toán Theo
Lãi Suất Thả Nổi: [USD][VNĐ][].

Các Ngày Thanh Toán
Của Bên Thanh Toán
Theo Lãi Suất Thả Nổi: [], bắt đầu từ [] đến và bao gồm Ngày Chấm Dứt, có thể được
điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc [Tiếp Theo] [Được
Điều Chỉnh Tiếp Theo].

Lãi Suất Thả Nổi cho
Kỳ Tính Toán Ban Đầu: []%/năm

Quyền Chọn
Lãi Suất Thả Nổi: [USD-LIBOR-BBA][Lãi Suất Hoán Đổi Sáu Tháng VNĐ-11:00
BGCANTOR và “Các Ngân Hàng Tham Chiếu” có nghĩa là []].

Kỳ Đáo Hạn
Được Xác Định: [] tháng.

Độ Chênh Lệch: [Cộng] [Trừ] []%/năm

Tỷ Lệ Tính Theo Số
Ngày Thực Tế Áp Dụng
Lãi Suất Thả Nổi: [Thực tế/360].

Các Ngày Ấn Định Lại: [Ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Toán].

Tính Lãi Gộp: [Không áp dụng].

Hoán Đổi Ban Đầu:

Ngày Hoán Đổi
Ban Đầu: Ngày Hiệu Lực.

Số Tiền Hoán Đổi
Ban Đầu của Bên A: [USD][VNĐ][].

Số Tiền Hoán Đổi
Ban Đầu của Bên B: [USD][VNĐ][].

Hoán Đổi Cuối Cùng:

Ngày Hoán Đổi
Cuối Cùng: Ngày Chấm Dứt.

Số Tiền Hoán Đổi
Cuối Cùng của Bên A: [USD][VNĐ][].

Số Tiền Hoán Đổi
Cuối Cùng của Bên B: [USD][VNĐ][].

Các Ngày Làm Việc: New York và Hà Nội.

Giao Dịch Hoán Đổi Không Giao Đối Tượng Giao Kết:

(a) Các Điều Khoản Chung:

[Điền các quy định từ mẫu Giao Dịch Hoán Đổi Lãi Suất Có Giao Đối Tượng Giao Kết hoặc Giao Dịch Hoán Đổi Tiền Tệ Chéo Có Giao Đối Tượng Giao Kết, sao cho phù hợp]

(b) Các Điều Khoản Thanh Toán:

Phương Thức Thanh Toán: Không Giao Đối Tượng Giao Kết, với hiệu lực là bất kỳ Số Lượng Đồng Tiền Yết Giá nào phải trả vào Ngày Thanh Toán (“**Ngày Thanh Toán Đồng Tiền Yết Giá**”) hoặc Ngày Hoán Đổi (nếu có) (“**Ngày Hoán Đổi Đồng Tiền Yết Giá**”), sẽ được quy đổi thành Số Lượng Đồng Tiền Định Giá theo cách thức được quy định dưới đây. Mọi nghĩa vụ thanh toán (bao gồm các giao dịch hoán đổi, nếu có) được quy định dưới đây phải được thực hiện bằng Đồng Tiền Định Giá vào Ngày Giao Nhận tương ứng (nếu áp dụng, như được điều chỉnh theo “Các Điều Chỉnh về (các) Ngày Giao Nhận và Ngày Chấm Dứt” dưới đây).

(Các) Ngày Giao Nhận: Ngày Thanh Toán Đồng Tiền Yết Giá và Ngày Hoán Đổi Đồng Tiền Yết Giá (nếu có) (nếu áp dụng, như được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc tương ứng). Để tránh nhầm lẫn, (các) Ngày Giao Nhận sẽ được điều chỉnh, nếu áp dụng, theo “Các Điều Chỉnh về (các) Ngày Giao Nhận và Ngày Chấm Dứt” dưới đây chỉ trong các trường hợp Các Điều Khoản Thanh Toán có quy định về việc điều chỉnh đó. Nếu không có quy định, (các) Ngày Giao Nhận sẽ chỉ được điều chỉnh, nếu áp dụng, theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc tương ứng.

Cặp Đồng Tệ: Đồng Tiền Yết Giá và Đồng Tiền Định Giá.

Đồng Tiền Yết Giá: VNĐ.

Đồng Tiền Định Giá: USD.

Số Lượng Đồng Tiền Yết Giá: Số lượng đồng tiền yết giá là số tiền mà một bên đáng lẽ có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên kia bằng Đồng Tiền Yết Giá, nếu không có Các Điều Khoản Thanh Toán này.

Số Lượng Đồng Tiền Định Giá: Bất kỳ Số Lượng Đồng Tiền Yết Giá nào đáng lẽ ra phải trả vào một Ngày Giao Nhận, sẽ được quy đổi thành số tiền bằng Đồng Tiền Định Giá (“**Số Lượng Đồng Tiền Định Giá**”) bằng cách chia bất kỳ Số Lượng Đồng Tiền Yết Giá cho Tỷ Giá Giao Ngay được xác định cho Ngày Định Giá đối với Ngày Giao Nhận đó, theo quy định của Quyền Chọn Tỷ Giá Thanh Toán, và nếu áp dụng, theo Mục 5 của Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối.

Nghĩa vụ của bên liên quan phải trả bất kỳ Số Lượng Đồng Tiền Yết Giá nào sẽ được thay thế bởi nghĩa vụ của bên đó phải trả Số Lượng Đồng Tiền Định Giá tương ứng (được xác định theo quy định nêu trên) bằng Đồng Tiền Định Giá, vào Ngày Giao Nhận tương ứng (nếu áp dụng, như được điều chỉnh theo “Các Điều Chỉnh về (các) Ngày Giao Nhận và Ngày Chấm Dứt” dưới đây).

Quyền Chọn

Tỷ Giá Thanh Toán:

VNĐ ABS (VNĐ01).

Các Điều Chỉnh về (các)

Ngày Giao Nhận

và Ngày Chấm Dứt:

Nếu một Ngày Định Giá Dự Kiến được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo, hoặc nếu áp dụng quy định Hoãn Định Giá, thì Ngày Giao Nhận liên quan đến Ngày Định Giá Dự Kiến đó sẽ là ngày sớm nhất có thể, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào không được chậm hơn 2 Ngày Làm Việc sau ngày Tỷ Giá Giao Ngay cho Ngày Giao Nhận được xác định.

Nếu bất kỳ Ngày Giao Nhận nào được điều chỉnh theo quy định nêu trên, thì việc điều chỉnh đó (và các nghĩa vụ thanh toán tương ứng phải được thực hiện vào các ngày đó) sẽ áp dụng đối với các bên, và với điều kiện rằng việc điều chỉnh như vậy không được thực hiện đối với Các Ngày Kết Thúc Kỳ (bao gồm cả Ngày Chấm Dứt) để xác định các Kỳ Tính Toán.

Ngày Định Giá:

Đối với mỗi Ngày Giao Nhận, 2 Ngày Làm Việc Dự Kiến trước Ngày Giao Nhận đó (“**Ngày Định Giá Dự Kiến**”), và nếu rơi vào Ngày Nghỉ Đột Xuất, được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo.

Ngày Làm Việc Dự Kiến:

Một “Ngày Làm Việc” như được định nghĩa ở Mục 1.1(b) trong Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại Hối, nhưng thêm vào cụm từ “hoặc một Ngày Nghỉ Đột Xuất” sau cụm từ “hoặc, nếu không xảy ra bất kỳ Sự Kiện Gián Đoạn nào áp dụng đối với một Giao Dịch” được quy định tại Mục 1.1(b) đó.

Thời Hạn Tạm Hoãn do có

Ngày Nghỉ Đột Xuất:

Trong trường hợp một Ngày Định Giá Dự Kiến được điều chỉnh theo Thỏa Thuận Ngày Làm Việc Tiếp Theo, và nếu Ngày Định Giá không rơi vào hoặc trước ngày 14 dương lịch của tháng tiếp theo sau Ngày Định Giá Dự Kiến (thời hạn này được gọi là “**Thời Hạn Tạm Hoãn**”), thì ngày tiếp theo sau Thời Hạn Tạm Hoãn lẽ ra là Ngày Làm Việc nếu không có Ngày Nghỉ Đột Xuất, được coi là Ngày Định Giá.

Sự Kiện Gián Đoạn và Dự Phòng:

Đồng Tiền Áp Dụng Đối

Với Sự Kiện Gián Đoạn:

Đồng Tiền Yết Giá.

Gián Đoạn Nguồn Giá: Áp dụng.

Phương Án Dự Phòng
Gián Đoạn Áp Dụng:

1. Hoãn Định Giá.
2. Giá Tham Khảo Dự Phòng: Tỷ Giá Khảo Sát Tham Khảo VND Của SFEMC (VND03).
3. Hoãn Định Giá Khảo Sát Dự Phòng.
4. Đại Diện Tính Toán Xác Định Tỷ Giá Thanh Toán.

(c) Các Điều Khoản Khác:

Ngày Nghỉ Đột Xuất:

“Ngày Nghỉ Đột Xuất” có nghĩa là ngày không phải Ngày Làm Việc và thị trường đã không có được thông tin này (thông qua các phương tiện công bố công khai hoặc tham chiếu tới thông tin được đăng tải công khai) cho đến thời điểm muộn hơn 9:00 sáng giờ địa phương tại (các) Trung Tâm Tài Chính Lớn của Đồng Tiền Yết Giá hai Ngày Làm Việc trước Ngày Định Giá Dự Kiến.

Hoãn Định Giá
do Gián Đoạn Nguồn Giá:

“Hoãn Định Giá” có nghĩa là, để có được Tỷ Giá Thanh Toán, Tỷ Giá Giao Ngay sẽ được xác định vào Ngày Làm Việc đầu tiên sau ngày Gián Đoạn Nguồn Giá chấm dứt, trừ khi Gián Đoạn Nguồn Giá tiếp tục diễn ra (từ ngày đáng lẽ ra là Ngày Định Giá nếu không xảy ra Gián Đoạn Nguồn Giá) trong một số ngày dương lịch liên tục tương đương với Số Ngày Hoãn Tối Đa. Trong trường hợp này, Tỷ Giá Giao Ngay sẽ được xác định vào Ngày Làm Việc tiếp theo sau Số Ngày Hoãn Tối Đa theo Phương Án Dự Phòng Gián Đoạn kế tiếp.

Hoãn Định Giá Khảo Sát
Dự Phòng:

“Hoãn Định Giá Khảo Sát Dự Phòng” có nghĩa là, trong trường hợp Giá Tham Khảo Dự Phòng chưa có vào hoặc trước Ngày Làm Việc thứ 3 (hoặc ngày đáng lẽ ra là Ngày Làm Việc nếu không có Ngày Nghỉ Đột Xuất) ngay sau khi kết thúc (i) việc Hoãn Định Giá do Gián Đoạn Nguồn Giá, hoặc (ii) Thời Hạn Hoãn do có Ngày Nghỉ Đột Xuất, hoặc (iii) Các Sự Kiện Tích Lũy, thì Tỷ Giá Thanh Toán sẽ được xác định theo quy định về Phương Án Dự Phòng Gián Đoạn được áp dụng tiếp theo vào ngày đó. Để tránh nhầm lẫn, Các Sự Kiện Tích Lũy, nếu áp dụng, không cản trở việc hoãn định giá theo quy định này.

Các Sự Kiện Tích Lũy:

Trừ khi được quy định ở trên, trong bất kỳ trường hợp nào tổng số ngày dương lịch kế tiếp nhau mà (i) việc định giá bị hoãn do có Ngày Nghỉ Đột Xuất, hoặc (ii) Hoãn Định Giá xảy ra (hoặc kết hợp (i) và (ii)), không được vượt quá tổng số 14 ngày dương lịch liên tục. Do đó, (x) nếu hết thời hạn 14 ngày dương lịch liên tục, có một Ngày Nghỉ Đột Xuất rơi vào hoặc tiếp tục diễn ra vào ngày sau thời hạn đó mà ngày đó đáng lẽ ra là một Ngày Làm Việc, thì ngày đó sẽ được coi là Ngày Định Giá, và (y) nếu hết thời hạn 14 ngày dương lịch liên tục, Gián Đoạn Nguồn Giá xảy ra vào hoặc tiếp tục diễn ra vào ngày sau thời hạn đó mà

đáng lẽ ra Tỷ Giá Giao Ngay được xác định vào ngày đó, thì việc Hoãn Định Giá sẽ không được thực hiện và Tỷ Giá Giao Ngay sẽ được xác định theo Phương Án Dự Phòng Giáán Đoạn kế tiếp.

Số Ngày Hoãn Tối Đa: 14 ngày dương lịch.

Thanh Toán

Giá Trị Chênh Lệch:

Nếu, vào bất kỳ ngày nào, các bên cùng phải thanh toán cho nhau các số tiền thanh toán bằng cùng một đồng tiền liên quan đến Giao Dịch, thì các số tiền thanh toán sẽ được bù trừ cho nhau và các bên chỉ phải thanh toán cho nhau phần giá trị chênh lệch (nếu có).

Tuyên Bố Về Khả Năng Có
Mâu Thuẫn Về Lợi Ích:

Các bên thừa nhận rằng một hoặc cả hai bên, trực tiếp hoặc thông qua một chi nhánh hoặc một thành viên liên kết, có thể được yêu cầu cung cấp một hoặc nhiều bản chào giá tùy từng thời điểm để xác định tỷ giá theo ngành hoặc tỷ giá chéo đối với Cặp Đồng Tệ là đối tượng của Giao Dịch (kể cả cho mục đích xác định Giá Tham Khảo Dự Phòng) và bản chào giá đó có thể ảnh hưởng, một cách cơ bản hoặc theo cách khác, đến việc thanh toán cho Giao Dịch này.

(c) **Các Vấn Đề Khác:**

(Các) Thành Phố Liên Quan

đối với Ngày Làm Việc

(như được định nghĩa trong

Danh Mục Thuật Ngữ Ngoại

Hỏi) cho (các) Ngày Định Giá: Hà Nội và Singapore

(Các) Thành Phố Liên Quan

đối với Ngày Làm Việc (như

được định nghĩa trong Danh

Mục Thuật Ngữ Lãi Suất)

cho (các) Ngày Giao Nhận:

Hà Nội và New York, tuy nhiên với điều kiện là, trong trường hợp Ngày Nghỉ Đột Xuất xảy ra sau Ngày Giao Kết, thì chỉ là New York.

Đại Diện Tính Toán: Bên A.

Chi Tiết Tài Khoản:

Số Tiền Thanh Toán cho Bên A: Được thông báo.

Số Tiền Thanh Toán cho Bên B: Đề nghị thông báo.

Các Cơ Sở Giao Dịch:

Bên A giao kết thông qua Chi Nhánh [] của Bên A.

Bên B giao kết thông qua Chi Nhánh [] của Bên B.

Xác Nhận này hủy bỏ và thay thế bất kỳ xác nhận nào khác (bao gồm SWIFT MT300 hoặc xác nhận bằng điện thoại), nếu có, được gửi liên quan đến Giao Dịch này vào hoặc trước ngày của Xác Nhận này.

Đề nghị xác nhận sự đồng ý của Quý Công Ty/Ngân Hàng chịu ràng buộc các điều khoản nêu trên bằng việc ký vào bản một bản của Xác Nhận này và gửi lại cho chúng tôi bằng fax tới [].

Kính thư,

[]

Bởi: _____

Họ tên:

Chức vụ:

Được xác nhận vào ngày
được ghi ở đầu Xác Nhận:

[]

Bởi: _____

Họ tên:

Chức vụ: